

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 22-4-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Quốc Hưng.

Ông Đinh Công Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Mã Hà Bửu N; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng L, sinh năm 1979; cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Võ Thị H, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Bà Võ Thị Kiều M; cư trú tại: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng); bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Mã Hà Bửu N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, anh Võ Hoàng L ký Hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201800139 ngày 22/01/2018 với Ngân hàng N Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh L và vợ là chị Huỳnh Thị T ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/01/18/HĐTC ngày 22/01/2018 với Ngân hàng, thế chấp Quyền sử dụng đất số BT 494778, diện tích 2.627m², thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T ngày 08/12/2014 và Quyền sử dụng đất số BT 494782, diện tích 3.726m², thửa đất số 764, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T ngày 08/12/2014.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 23/01/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho anh L số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/01/2021, lãi suất 10.5%/năm, lãi suất quá hạn 15.75% /năm. Phương thức trả nợ theo định kỳ, cụ thể, kỳ 1: ngày 22/01/2019 trả số tiền gốc 80.000.000 đồng; kỳ 2: ngày 22/01/2020 trả số tiền gốc 80.000.000 đồng; kỳ 3: ngày 22/01/2021 trả số tiền gốc 80.000.000 đồng, định kỳ trả lãi: theo kỳ hạn trả nợ gốc.

Tính đến ngày 22/4/2021, anh L và chị T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng 352.561.359 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 250.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 79.082.192 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 23.479.167 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T chịu trách nhiệm liên đới trả hết nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613LAV201800139 ngày 22/01/2018 cho Ngân hàng tính đến ngày 22/4/2021

tổng cộng là 352.561.359 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày anh L và chị T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh L và chị T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án phát mại tài sản của anh L và chị T đã thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất số BT 494778, diện tích 2.627m², thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T ngày 08/12/2014 và Quyền sử dụng đất số BT 494782, diện tích 3.726m², thửa đất số 764, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T ngày 08/12/2014 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/01/18/HĐTC ngày 22/01/2018).

Ngân hàng xác định tại thời điểm thế chấp, trên Quyền sử dụng đất số BT 494778, diện tích 2.627m², thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có một căn nhà của vợ chồng anh L và chị T, một căn nhà của bà H, phần mộ của cha mẹ anh L và ngôi mộ của chồng bà H (ông Nguyễn Văn L), nhưng không có thể hiện trong Hợp đồng thế chấp và Báo cáo thẩm định của Ngân hàng. Ngân hàng đồng ý khi phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất số BT 494778, diện tích 2.627m², thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng sẽ trừ phần mộ của cha mẹ anh L có kích thước ngang 5,4m, dài 7,4m, diện tích 39,96m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 21m, diện tích 21m² từ phần mộ cha mẹ anh L đi ra đường đất giáp thửa đất số 263 của ông Lê Hoàng P; trừ phần mộ của ông L (chồng bà H) có kích thước ngang 02m, dài 03m, diện tích 06m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 20m, diện tích 20m² từ ngôi mộ ông L đi ra đường đất giáp thửa đất số 263 của ông Lê Hoàng P.

- Tại văn các biên bản lấy lời khai của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Huỳnh Thị T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Võ Hoàng L và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị T thừa nhận, chồng chị T là anh Võ Hoàng L có ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 250.000.000 đồng của Ngân hàng, thời gian ký hợp đồng tín dụng, lãi suất, cách thức thanh toán và tài sản thế chấp đúng như Ngân hàng trình bày. Chị T xác nhận vợ chồng chị vay vốn để nuôi tôm phục vụ cho kinh tế của gia đình, tuy nhiên do nuôi tôm không có lợi nhuận, đến nay vợ chồng chị vẫn chưa thanh toán nợ theo định kỳ cho Ngân hàng.

Chị T trình bày khi thế chấp các quyền sử dụng đất cho Ngân hàng, thì Quyền sử dụng đất số BT 494778, thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.627m², tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có 03 căn nhà, một căn nhà là của vợ chồng chị T và anh L, một căn nhà của chị ruột anh L là bà Võ Thị H, một căn nhà của chị ruột anh L là bà Võ Thị Kiều M. Hiện nay, căn nhà của bà M đã bị sập không còn; căn nhà bà H là do Nhà nước tặng cho bà H, chị T không nhớ rõ xây vào năm nào, chị nhớ xây gần 20 năm, thỉnh thoảng bà H vẫn có về

nhà. Về mộ trên đất, tại thời điểm thế chấp có hai ngôi mộ: một ngôi mộ của anh rể thứ hai là Nguyễn Văn L (chồng của bà Võ Thị H) có kích thước ngang 02m, dài 03m, diện tích 06m², một ngôi mộ của cha ruột anh L, sau đó mẹ ruột anh L mất, nên có thêm một ngôi mộ của mẹ ruột anh L, trước đó đã có nền mộ có kích thước ngang 5,4m, dài 7,4m, vào cuối năm 2019 vợ chồng anh L, chị T xây thêm gạch trên nền mộ cũ. Phần đất thế chấp này, khi cha mẹ anh L còn sống có cho bà Võ Thị H và bà Võ Thị Kiều M mỗi người một phần tư công đất (khoảng 320m²), việc tặng cho không có lập văn bản, chưa làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền.

Đối với Quyền sử dụng đất số BT 494782, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.726m², tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì trên đất có ao dùng để nuôi tôm và một số chòi máy (mô tua) và chòi giữ tôm theo Tòa án ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định ngày 23/7/2020. Khi thế chấp các tài sản trên để bảo đảm cho nợ vay, chị T và anh L thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T thống nhất cùng chồng là anh Võ Hoàng L có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 22/4/2021 tổng cộng gốc và lãi là 352.561.359 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày anh L và chị T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chị T đang nuôi tôm, thu hoạch xong chị T xin trả số tiền từ 50.000.000 đến 100.000.000 đồng tùy theo khả năng kinh tế gia đình.

Nếu đến thu hoạch tôm mà chị T không trả tiền, chị T đồng ý cho Ngân hàng phát mại các tài sản thế chấp cho Ngân hàng, nhưng do trên Quyền sử dụng đất số BT 494778, diện tích 2.627m², thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có mộ của người thân, chị T đề nghị Ngân hàng phát mại trừ phần mộ của cha mẹ anh L có kích thước ngang 5,4m, dài 7,4m, diện tích 39,96m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 21m, diện tích 21m² từ phần mộ cha mẹ anh L đi ra đường đất giáp thửa đất số 263 của ông Lê Hoàng P; trừ phần mộ của ông L có kích thước ngang 02m, dài 03m, diện tích 06m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 20m, diện tích 20m² từ ngôi mộ ông L đi ra đường đất giáp thửa đất số 263 của ông Lê Hoàng P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị H và bà Võ Thị Kiều M vắng mặt tại phiên tòa. Chị T khai: Bà H và bà M đang sinh sống tại Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Long An. Ngày 03/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An để thu thập lời khai và yêu cầu khởi kiện độc lập của bà H và bà M. Tại Phiếu gửi số 21, ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã trả lời kết quả ủy thác: do bà Võ Thị H và bà Võ Thị Kiều M không có đăng ký tạm trú và đăng ký thường trú tại Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Long An, nên không thực hiện được việc thu thập chứng cứ.

Ngày 04/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có yêu cầu chị T và anh L cung cấp thông tin địa chỉ cư trú của bà H và bà M, nhưng chị T và anh

L chỉ biết địa chỉ duy nhất tại Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Long An. Chị T trình bày đã thông báo cho bà H và bà M bằng điện thoại, bà H và bà M đã biết được vụ việc do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý, giải quyết, nhưng không đến Tòa án trình bày vì phải đi làm, bà H và bà M biết và đồng ý cho vợ chồng chị T, anh L thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng, bà H và bà M xin Ngân hàng cho chị T và anh L trả dần khoản nợ vay, nếu không có khả năng thanh toán thì đồng ý cho Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn anh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, việc Tòa án thụ lý với quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa đúng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Võ Thị H và bà Võ Thị Kiều M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 7613LAV201800139 ngày 22/01/2018 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và anh L, anh L tham gia ký hợp đồng có được sự đồng ý bằng văn bản ủy quyền hợp lệ của vợ là chị Huỳnh Thị T. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không

trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613LAV201800139 ngày 22/01/2018 tính đến ngày 22/4/2021 với số tiền là 352.561.359 đồng, trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 79.082.192 đồng, nợ lãi quá hạn 23.479.167 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi anh L và chị T trả dứt nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất xác định: Ngân hàng đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền vay là 250.000.000 đồng, thời gian vay là 36 tháng kể từ ngày 23/01/2018, lãi suất cho vay là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Sau khi vay tiền, bị đơn do điều kiện kinh tế khó khăn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo định kỳ, từ khi vay tiền đến ngày 22/4/2021 bị đơn chưa thanh toán khoản nợ gốc và lãi theo định kỳ trả nợ. Anh L đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7613LAV201800139 ngày 22/01/2018. Nên việc Ngân hàng yêu cầu anh L và chị T chịu trách nhiệm liên đới trả tiền vay gốc và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Anh L ký hợp đồng vay tiền với mục đích nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình, có văn bản ủy quyền hợp lệ của vợ anh L là chị Huỳnh Thị T, nên việc Ngân hàng yêu cầu anh L và chị T chịu trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là có căn cứ theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/01/18.HĐTC ngày 22/01/2018, tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của anh L và chị T, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng phù hợp theo quy định tại các điều 213, 317, 318, 319, 320, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 và Điều 167 Luật Đất đai nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Việc Ngân hàng đề nghị phát mại các tài sản thế chấp khi anh L và chị T không có khả năng thanh toán nợ vay trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Khi phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số BT 494778, diện tích 2.627m², thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, Ngân hàng đồng ý trừ phần mộ của cha mẹ anh L có kích thước ngang 5,4m, dài 7,4m, diện tích 39,96m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 21m, diện tích 21m² từ phần mộ cha mẹ anh L đi ra đường đất giáp thửa đất

số 263 của ông Lê Hoàng P; trừ phần mộ của ông L có kích thước ngang 02m, dài 03m, diện tích 06m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 20m, diện tích 20m² từ ngôi mộ ông L đi ra đường đất giáp thửa đất số 263 của ông Lê Hoàng P. Xét việc trừ phần diện tích đất có mộ và lối đi vào các ngôi mộ của người thân chị T là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều M, quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết chị T không cung cấp được địa chỉ hiện nay bà M đang cư trú, chưa có tài liệu, chứng cứ để xác định bà M có tài sản trên các phần đất thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà M chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[10] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng và chị T cùng xác định: bà H có một căn nhà và một ngôi mộ của chồng bà H trên phần đất thế chấp tại thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chưa làm việc được với bà H do chị T không cung cấp được địa chỉ cư trú hiện nay của bà H, nên chưa ghi nhận được ý kiến bà H. Sau khi Tòa án xét xử, nếu giữa bà H với chị T, anh L và Ngân hàng có phát sinh tranh chấp đối với căn nhà của bà H, thì dành quyền cho bà H được khởi kiện một vụ án khác.

[11] Xét ý kiến của chị T đề nghị trả dần khoản vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, ý kiến của chị T không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[12] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Anh L và chị T có trách nhiệm liên đới chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định tại Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 118, 119, 213, 317, 318, 319, 320, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 167 Luật Đất đai, Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 của Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N tiền vay gốc và lãi là 352.561.359 (ba trăm năm mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm năm mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc: 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 79.082.192 (bảy mươi chín triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, một trăm chín mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn 23.479.167 (hai mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 23/4/2021 anh L và chị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà anh L và chị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh L và chị T thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/01/18.HĐTC ngày 22/01/2018.

Khi phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất số BT 494778, diện tích 2.627m², thửa đất số 765, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, Ngân hàng N đồng ý trừ phần mộ của cha mẹ anh L có kích thước ngang 5,4m, dài 7,4m, diện tích 39,96m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 21m, diện tích 21m² từ phần mộ cha mẹ anh L đi ra đường đất giáp thửa đất số 263 của ông Lê Hoàng P; trừ phần mộ của ông L (chồng bà H) có kích thước ngang 02m, dài 03m, diện tích 06m² và một lối đi có kích thước ngang 01m, dài 20m, diện tích 20m² từ ngôi mộ ông L đi ra đường đất giáp thửa đất số 263 của ông Lê Hoàng P.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh L và chị T phải chịu trách nhiệm liên đới nộp 17.628.067 (mười bảy triệu, sáu trăm hai mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi bảy) đồng; Ngân hàng N không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002948 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 900.000 (chín trăm ngàn) đồng, Ngân hàng N đã nộp đủ theo phiếu thu số T33 ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Anh L và chị T

chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng N số tiền 900.000 (chín trăm ngàn) đồng.

5. Quyền kháng cáo bản án: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan